

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 – 2030**

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đại đoàn kết các dân tộc; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại; phát triển nhanh và bền vững; phấn đấu đến năm 2030, là tỉnh phát triển khá, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Phương châm Đại hội: Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra trong bối cảnh đất nước, tỉnh ta bước vào giai đoạn lịch sử mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Đại hội chúng ta có trách nhiệm: Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030; thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 – 2025

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, đặc biệt là hậu quả nặng nề bởi đại dịch Covid-19 và những biến đổi mang tính thời đại; kinh tế thế giới suy giảm và bất ổn; xung đột giữa một số nước,... Cùng với đó, trong nước và trong tỉnh chịu tác động không nhỏ bởi thiên tai, dịch bệnh. Tỉnh ta vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, vừa phải xử lý các hạn chế, khuyết điểm từ các năm trước. Trong bối cảnh đó, với ý chí, quyết tâm cao, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, nỗ lực thực hiện quyết liệt, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức được chú trọng, nâng lên tầm cao mới

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, ngày càng đi vào chiều sâu. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng, tuyên truyền các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, nâng cao nhận thức, trình độ chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời nắm bắt, định hướng, giải quyết các vấn đề tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tu dưỡng, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cách mạng, lối sống, “tự soi”, “tự sửa”, nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người cán bộ, đảng viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm; đồng thời, triển khai thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu, nhân rộng mô hình hay.

1.2. Công tác dân vận được phát huy hiệu quả trong cả hệ thống chính trị

Đã lãnh đạo thực hiện tốt công tác dân vận của hệ thống chính trị; dân chủ ở cơ sở được mở rộng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân được bảo vệ; mọi chủ trương, chính sách đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân; khối đại đoàn kết toàn dân, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân ngày càng được củng cố và tăng cường. Công tác dân vận chính quyền được tích cực thực hiện. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã trở thành hoạt động thường xuyên, ngày càng lan tỏa sâu rộng. Công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo đạt nhiều kết quả, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, nhất là trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi nhận thức, cách làm, tích cực lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững. Đã tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Luôn quan tâm tạo điều kiện cho các tôn giáo, đồng bào các dân tộc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới về phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội; làm tốt

công tác vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

1.3. Tích cực đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Đã tổ chức thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ các chủ trương, quyết sách của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Với cách làm mới, khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ, dân chủ, khoa học, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững nguyên tắc, đúng quy định, kiên định, kiên trì, đến nay đã hoàn thành các mục tiêu đề ra: Hệ thống tổ chức và các cơ quan được sắp xếp đồng bộ, tinh gọn; kết thúc hoạt động của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, thành lập các đảng bộ mới ở tỉnh và cơ sở; kết thúc hoạt động cấp huyện; giảm nhiều cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được rà soát, điều chỉnh, bổ sung rõ ràng hơn, cơ bản khắc phục được sự trùng lặp, chồng chéo, loại bỏ khâu trung gian. Tổ chức vận hành thực hiện tốt mô hình chính quyền 02 cấp. Việc thực hiện tinh giản biên chế đạt chỉ tiêu Trung ương yêu cầu. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cán bộ không đủ tuổi tái cử được thực hiện kịp thời, tạo thuận lợi trong quá trình sắp xếp, từng bước cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.4. Chủ động củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Đã kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên phù hợp tình hình thực tế của tỉnh. Triển khai nhiều đề án, phong trào, mô hình mới như: “Dân tin - Đảng cử”; ứng dụng phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử; phân công cấp ủy tham gia sinh hoạt ở các tổ chức cơ sở đảng; phân công đảng viên ở cơ sở phụ trách hộ, nhóm hộ gia đình; tổ chức Giải Báo chí về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng) của tỉnh; phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”. Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên. Tập trung củng cố, xây dựng và phát triển tổ chức cơ sở đảng, đẩy mạnh phát triển đảng viên về số lượng và chất lượng; trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 14.770 đảng viên, nâng tỷ lệ đảng viên so với dân số trong toàn tỉnh lên 4,24%; đồng thời, rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Chú trọng quản lý, giám sát đảng viên trên các nền tảng mạng xã hội. Công tác kiểm điểm tự phê bình, phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên ngày càng đi vào thực chất.

1.5. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ được coi trọng. Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ ngày càng được đổi mới, dân chủ, khách quan, đi vào thực chất, từng bước đảm bảo theo yêu cầu bằng tiêu chí, sản phẩm cụ thể, có so sánh với các vị trí

tương đồng,... Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, mở rộng dân chủ, công khai, liên thông, chất lượng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng; trong đó, đã ký kết hợp tác với một số cơ sở đào tạo uy tín, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức hằng năm. Công tác bố trí, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện bảo đảm nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy định. Phân định rõ trách nhiệm các khâu trong công tác cán bộ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, góp phần kiểm soát quyền lực và phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, từng bước khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín.

Đã chú trọng thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Chủ trương về tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện.

Đã thực hiện chủ trương của Trung ương về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, bố trí cán bộ sau khi bị kỷ luật. Các cấp ủy chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm nguyên tắc, đúng thẩm quyền; xử lý đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật hành chính đối với cán bộ vi phạm, kể cả cán bộ đã nghỉ hưu. Kịp thời thay thế cán bộ bị kỷ luật, năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, mất đoàn kết nội bộ, bố trí công tác phù hợp đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật. Đã thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

1.6. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng được triển khai khá toàn diện, đạt hiệu quả

Kịp thời quán triệt, triển khai các quy định của Trung ương và rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản quan trọng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và phù hợp thực tiễn, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Việc xác định nội dung, đối tượng và phương pháp, quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng chặt chẽ hơn; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên rõ rệt, kết quả đạt được khá toàn diện, giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát chuyên đề và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đạt nhiều kết quả. Công tác phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước, giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả.

1.7. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy được tích cực đổi mới, đi vào nề nếp

Tỉnh ủy đã cụ thể hóa, thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương bảo đảm ngắn gọn, chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn. Các cơ quan trong hệ thống

chính trị tập trung cụ thể hóa để triển khai thực hiện. Tiếp tục đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Đã đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quán triệt, tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Công tác cán bộ được thực hiện bảo đảm dân chủ, minh bạch, công khai. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, gắn kết chặt chẽ với tự phê bình, phê bình và tuân thủ pháp luật. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, cán bộ, đảng viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thường xuyên tổ chức làm việc với các ban cán sự đảng, đảng đoàn (nay là Đảng ủy UBND tỉnh và Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh), các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc; các đồng chí cấp ủy viên phụ trách địa bàn, lĩnh vực thường xuyên đi cơ sở, kịp thời nắm tình hình, kiểm tra, giám sát để đôn đốc, tháo gỡ, xử lý những khó khăn, bất cập. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng được tăng cường. Đã triển khai Nền tảng Quản trị tổng thể (sử dụng 01 tài khoản để sử dụng xuyên suốt các phân hệ xử lý văn bản, thư điện tử, cổng thông tin điện tử, hệ thống trực tuyến, kho dữ liệu số hóa cá nhân...) đến 96/96 đảng ủy xã, phường, đặc khu. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, thực hiện chỉ đạo trực tiếp các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thông qua Nền tảng Quản trị tổng thể.

1.8. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các cấp chính quyền được nâng lên

Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tích cực tham gia các hoạt động của Quốc hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến cử tri và Nhân dân trong tỉnh, báo cáo các kỳ họp Quốc hội. Kiến nghị với các cơ quan Trung ương và địa phương để xem xét, giải quyết nhiều vấn đề. Tổ chức tốt việc thực hiện giám sát ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hội đồng nhân dân các cấp đã có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là trong việc tổ chức các kỳ họp, giám sát, chất vấn, trả lời chất vấn và ban hành các nghị quyết. Chất lượng hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều chuyển biến tích cực.

Ủy ban nhân dân các cấp đã tập trung nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, điều hành, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế. Hoàn thành các đề án về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

1.9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực triển khai tích cực, kịp thời, hiệu quả

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt theo đúng chỉ đạo của Trung ương. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh được thành lập kịp thời, hoạt động hiệu quả. Vai trò, trách nhiệm, nhất là của người đứng đầu được nâng lên. Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hiệu quả các vụ án, vụ việc theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra của

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cũng như phát hiện, xử lý vụ án, vụ việc liên quan đến tham nhũng, tiêu cực thuộc diện do Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy trực thuộc trên địa bàn tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai thường xuyên, liên tục. Thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực, việc kê khai, công khai, minh bạch tài sản, thu nhập cán bộ, công chức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các vấn đề nổi cộm, bức xúc trong xã hội. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế được tăng cường, xử lý nghiêm minh theo đúng quy định pháp luật. Việc xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần khơi thông nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp. Đã kịp thời củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, cũng như tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan tư pháp. Công tác thanh tra ngày càng hiệu quả. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định, góp phần hạn chế các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, các vụ khiếu kiện đông người. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và hỗ trợ tư pháp thực hiện đúng quy định.

2. Phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Kinh tế tiếp tục phát triển

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 92.813 tỷ đồng, tăng bình quân 7,30%/năm, xếp hạng 10/34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Quy mô nền kinh tế đến năm 2025 đạt 188.701 tỷ đồng (theo giá hiện hành), xếp hạng 23/34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 70,3% trong GRDP. Năm 2025, GRDP bình quân đầu người ước đạt 3.979 USD; thu nhập bình quân đầu người ước đạt 54,89 triệu đồng/người/năm, tăng bình quân 9,4%/năm. Năng suất lao động xã hội theo giá so sánh ước đạt 91 triệu đồng/lao động, tăng bình quân 5,9%/năm. Hằng năm, thu ngân sách nhà nước đều vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong 5 năm ước đạt 170.204 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm theo giá hiện hành ước đạt khoảng 347.471 tỷ đồng.

2.1.1. Công nghiệp phát triển nhanh, chú trọng công nghiệp chế biến, công nghiệp nặng

Công nghiệp đóng góp lớn vào phát triển kinh tế của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 ước đạt 185.401 tỷ đồng, tăng bình quân 10,72%/năm. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo định hướng đề ra. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực và là điểm sáng trong phát triển công nghiệp của tỉnh. Đã chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế. Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản được quan tâm đầu tư với sự tham gia từ nhiều loại hình kinh tế; một số sản phẩm đã từng bước thâm nhập và được đón nhận tại một số thị trường quốc tế có tiêu chuẩn cao, nhất là các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh và dược liệu.

Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư và thu hút đầu tư. Chủ trương xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất được tích cực thực hiện. Quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có quy mô lớn, tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, một số dự án năng lượng khác.

2.1.2. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được chú trọng, ưu tiên đẩy mạnh phát triển theo hướng bền vững, hữu cơ

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) năm 2025 ước đạt 31.208 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 4,7%/năm. Đã rà soát, phát triển các loại cây trồng chủ lực, nâng cao năng suất, sản lượng đối với một số cây trồng truyền thống để phục vụ các cơ sở chế biến; mở rộng diện tích một số cây trồng đặc hữu, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng vùng. Tăng cường dồn điền đổi thửa, tích tụ đất nông nghiệp để hình thành "cánh đồng lớn", vùng sản xuất tập trung, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Các mô hình kinh tế trong nông nghiệp hoạt động ngày càng hiệu quả. Công tác cấp, quản lý mã vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, khai thác chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu nông sản được chú trọng. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp có nhiều tiến bộ.

Phát triển sản phẩm OCOP ngày càng đi vào chiều sâu, nhiều sản phẩm có chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu. Chăn nuôi có nhiều chuyển biến đáng kể về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh sang chăn nuôi tập trung. Công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng được quan tâm, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 59,45%. Đã tập trung phát triển được liệu dưới tán rừng, trong đó hơn 4.000 ha rừng có trồng Sâm Ngọc Linh. Việc hình thành vùng được liệu trọng điểm quốc gia và trung tâm sản xuất dược liệu lớn của cả nước đạt được một số kết quả bước đầu.

Công tác quản lý khai thác, bảo quản và nuôi trồng thủy sản được chú trọng theo hướng phát triển bền vững. Hầu hết các cấp, các ngành, địa phương và người dân đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tích cực hưởng ứng trong việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

2.1.3. Phát triển dịch vụ, du lịch ngày càng được chú trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế - xã hội

Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ (theo giá so sánh năm 2010) năm 2025 ước đạt 49.434 tỷ đồng, tăng bình quân 6,05%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 126.305 tỷ đồng, tăng bình quân 10,6%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 3.653 triệu USD, tăng bình quân 16,6%/năm, tăng hơn 02 lần so với năm 2020.

Thương mại nội địa phát triển mạnh, hệ thống siêu thị được đầu tư mở rộng.

Lưu thông hàng hóa được duy trì, bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Một số ngành, lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, vận tải, chăm sóc sức khỏe, giải trí,... có bước phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu của Nhân dân. Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, nhất là các FTA thế hệ mới.

Du lịch có bước phát triển. Nhiều hoạt động liên kết, xúc tiến, hợp tác, quảng bá du lịch được triển khai thực hiện. Chủ trương phát triển Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển - đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được tích cực triển khai thực hiện. Khu du lịch Măng Đen được quy hoạch bài bản, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, hạ tầng và chất lượng dịch vụ được nâng lên. Tập trung xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch mới, đặc trưng riêng, trọng tâm là du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa, lịch sử, tâm linh, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Năm 2025, tổng lượng khách ước đạt khoảng 4,9 triệu lượt khách; tổng doanh thu du lịch ước đạt 2.640 tỷ đồng.

2.1.4. Phát triển hạ tầng, một trong những nhiệm vụ đột phá của Trung ương, cũng như của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực

Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng được quan tâm đầu tư. Đã thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện, hoàn thiện lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời, điện gió với tổng công suất 1.191 MW, sản lượng điện 5.170 kWh. Tích cực đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại và hệ thống chợ ở vùng nông thôn. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện dự án Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn qua tỉnh. Tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông với một số dự án quan trọng: Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cũ); Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi; Cầu và đường hai đầu cầu từ bên du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (cũ) (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (đường Đồng Nai), thành phố Kon Tum (cũ); cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Đường tránh phía Tây thành phố Kon Tum (cũ); Đường Trường Chinh, thành phố Kon Tum (cũ);... Hạ tầng thủy lợi, đề điều được đầu tư, nâng cấp. Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học, công nghệ được quan tâm đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực.

2.1.5. Phát triển các vùng, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới có nhiều khởi sắc

Hoàn thành việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng

Ngãi đến năm 2045, điều chỉnh Quy hoạch Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen đến năm 2045.

Công tác xây dựng nông thôn mới được tích cực thực hiện; triển khai sâu rộng, hiệu quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 35,62%. Tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch ước đạt 92,5%; tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 98,3%. Đời sống Nhân dân vùng ven biển, đảo, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa được nâng lên. Đã quan tâm triển khai các dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng sâu, vùng xa, biên giới.

2.1.6. Môi trường đầu tư được cải thiện; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Đã tập trung chỉ đạo cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách, từng bước tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Chủ động xây dựng và thực hiện hiệu quả các chương trình xúc tiến, thu hút đầu tư trong và ngoài nước; tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nhà đầu tư phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã và đang triển khai theo đúng các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh; đã tập trung đầu tư khoảng 415 công trình, dự án; dự kiến đến cuối năm 2025 sẽ hoàn thành 348 dự án, tạo tác động lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian đến. Giai đoạn 2021 - 2025, đã cấp chủ trương cho 188 dự án từ nguồn vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký khoảng 121.956 tỷ đồng, tổng vốn thực hiện ước đạt 110.048 tỷ đồng; cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư cho 23 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 770 triệu USD, tổng vốn thực hiện ước đạt 483 triệu USD.

2.2. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thông tin, truyền thông và báo chí; chuyển đổi số được chú trọng triển khai tích cực

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường, đạt kết quả bước đầu. Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đạt được kết quả tích cực; trong đó, đã hỗ trợ cho 68 dự án khởi nghiệp với tổng kinh phí 5,115 tỷ đồng¹.

Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí tiếp tục được nâng lên, kịp thời thông tin trung thực, toàn diện đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trên địa bàn. Cơ hội tiếp cận thông tin của Nhân dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được bảo đảm. Công tác quản lý các loại hình thông tin trên Internet được tăng cường.

Công tác xây dựng chính sách về chuyển đổi số được quan tâm. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được triển khai thực hiện mạnh mẽ. Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận

¹ Trong đó có: 03 dự án được vay vốn ưu đãi của ngân hàng với số tiền 1,7 tỷ đồng; 15 dự án được hỗ trợ 1,337 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh; 15 dự án được hỗ trợ triển lãm, quảng bá sản phẩm với số tiền 40 triệu đồng; 34 dự án hỗ trợ số tiền không hoàn lại là 68 triệu đồng; 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gọi vốn được 2 tỷ đồng.

Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đẩy mạnh. Hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số được quan tâm đầu tư phát triển; kinh tế số, xã hội số từng bước phát triển. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP hằng năm được nâng lên (bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 6,02%, xếp hạng 30/34 tỉnh, thành phố trong cả nước). An toàn, an ninh mạng được chú trọng.

2.3. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Quản lý nhà nước về khai thác tài nguyên, khoáng sản được tăng cường. Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường. Nâng cao trách nhiệm của các địa phương; trao quyền mạnh mẽ hơn cho các địa phương trong việc quản lý, sử dụng tài nguyên nhằm thúc đẩy ngành khai thác tài nguyên phát triển bền vững. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện công khai theo đúng quy định. Các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đăng ký đất đai được thực hiện kịp thời.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn, nguy hại đạt 81%. Khuyến khích cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ sạch, ít tiêu hao nhiên liệu góp phần giảm phát thải ra môi trường. Mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh được đầu tư bài bản. Chất lượng nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, bệnh viện và cơ sở sản xuất có phát sinh nguồn thải lớn được kiểm soát. Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đạt 83,3%. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, các vụ việc về môi trường được phát hiện và xử lý kịp thời, không để lại hậu quả nghiêm trọng. Đã thực hiện tốt công tác ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1. Bản sắc văn hóa được giữ gìn, phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; quan tâm phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao

Việc xây dựng môi trường văn hóa được chú trọng. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm đầu tư, phát huy giá trị. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá từng bước được nâng cao. Đời sống văn hoá của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy, nhất là các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số, tạo nên không gian văn hóa đa dạng, độc đáo và giàu bản sắc. Các hủ tục, phong tục không còn phù hợp cơ bản được xóa bỏ. Vai trò của văn học, nghệ thuật được coi trọng, phát huy hơn. Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, giáo dục thể chất, thể thao trường học, thể thao chuyên nghiệp luôn được coi trọng. Thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả tích cực. Đã thu hút nguồn lực trong xã hội đầu tư, cung ứng dịch vụ thể dục, thể thao.

3.2. Giáo dục và đào tạo được nâng cao; chất lượng nguồn nhân lực ngày càng đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội

Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên. Đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Các phong trào thi đua học tập, khuyến

học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm thực hiện. Công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở có chuyển biến tích cực. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản được chuẩn hoá, từng bước bảo đảm số lượng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học được cải thiện, bước đầu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo. Đã tích cực triển khai các nghị quyết, đề án, chính sách của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng và các trường cao đẳng của tỉnh từng bước được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh và trung tâm chính trị tại các địa phương ngày càng được quan tâm, thực hiện các tiêu chí về trường chuẩn. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 63,96%.

3.3. Y tế được chú trọng đầu tư, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm. Cơ sở vật chất được đầu tư; đào tạo nguồn nhân lực y tế được chú trọng. Năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Đã tích cực thu hút nguồn lực trong xã hội đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao, các hoạt động chăm sóc sức khỏe và đã đạt một số kết quả bước đầu. Đội ngũ thầy thuốc và cán bộ, nhân viên y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng được thực hiện tốt hơn. Y tế dự phòng được tăng cường. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được thực hiện kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, góp phần vừa phòng chống hiệu quả dịch bệnh, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ước đến hết năm 2025, có 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 9,66 bác sĩ và 34,19 giường bệnh trên 01 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,17% dân số.

3.4. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững

Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng người có công được chú trọng. Các chế độ chính sách, an sinh xã hội được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành nhiều chính sách đối với người có công, trong đó có một số chính sách đặc thù của tỉnh. Đã hỗ trợ sửa chữa, xây mới nhà ở cho người có công, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống của người có công. Hoàn thành Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương với tổng số 9.071 căn nhà (trong đó, sửa chữa 2.702 căn, xây mới 6.369 căn), kinh phí 517,54 tỷ đồng. Đối tượng thụ hưởng chính sách bảo trợ xã hội ngày càng mở rộng, mức trợ cấp được nâng lên. Số người được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên là 142.558 người (trong đó, số người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên là 78.335 người, chiếm tỷ lệ 55%).

Nhiều chính sách được triển khai để đảm bảo giải quyết việc làm cho người lao động, số người có việc làm tăng lên. Ước đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 41,29%, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,78%.

Công tác giảm nghèo được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, nhất là ở

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đã tích cực tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dự kiến đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất đạt 98,86%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,17%/năm; trong đó miền núi giảm bình quân 4,64%/năm.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1. Về quốc phòng, an ninh

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Đã triển khai thực hiện tốt Kết luận số 159-KL/TW ngày 29/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa XVIII) về Đề án tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Khu vực phòng thủ tỉnh được xây dựng ngày càng vững chắc. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp đúng kế hoạch, đạt chất lượng. Đã phối hợp với tỉnh Attapư (Lào) diễn tập phòng thủ dân sự đạt kết quả tốt. Công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng dân quân/bộ đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đều đạt kết quả tốt. Hằng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; chất lượng được nâng lên. Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động của Hải đội Dân quân thường trực. Huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ được giữ vững, đường biên, mốc quốc giới nguyên trạng.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Chủ động nắm, dự báo tình hình, xử lý, giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, không để hình thành điểm nóng. Công tác phòng, chống tội phạm đạt kết quả tích cực, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật được đấu tranh, xử lý kịp thời, tội phạm về trật tự xã hội được kéo giảm qua từng năm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai thực hiện đạt hiệu quả thiết thực. Công tác bảo đảm an ninh nông thôn, dân tộc, tôn giáo được tăng cường; đã chủ động đấu tranh ngăn chặn hoạt động của các tổ chức tà đạo như “Hà Môn”, “Tin lành Đê Ga”. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quan tâm thường xuyên. Triển khai quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; kiểm chế số vụ tai nạn giao thông. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng được tăng cường, đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, từ việc nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân đến việc đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật và các phần mềm bảo mật chuyên dụng; thường xuyên tổ chức diễn tập ứng phó sự cố, rà soát và khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật, các hệ thống thông tin của tỉnh được bảo đảm an toàn, hoạt động ổn định, thông suốt.

4.2. Về đối ngoại

Quan hệ hợp tác với các tỉnh giáp biên của Lào, Campuchia tiếp tục được tăng cường; đã xúc tiến thiết lập và đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác với các đối tác, địa phương của Hàn Quốc, Cu-ba, Nhật Bản, Pháp, Ấn Độ, Trung Quốc,... Công tác

phân giới, cắm mốc tuyến biên giới với Campuchia, tăng dày mốc quốc giới với Lào được triển khai cơ bản đảm bảo tiến độ. Chủ động, tích cực tham gia các sự kiện đối ngoại quan trọng, hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và đối ngoại nhân dân, góp phần quảng bá hình ảnh của địa phương và tăng cường xúc tiến thương mại, đầu tư. Công tác vận động viện trợ và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được tăng cường. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được chú trọng; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh.

II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khuyết điểm

1.1. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội và giải quyết một số vấn đề bức xúc, nổi cộm có lúc còn bị động. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có mặt còn hạn chế. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý một số nơi chưa bảo đảm phương châm “động” và “mở”. Đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, đảng viên có tiến bộ nhưng vẫn chưa sát thực tiễn, còn nhiều tiêu chí định tính. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, trẻ tuổi, người dân tộc thiểu số còn thấp. Chất lượng một số cuộc kiểm tra, giám sát chưa cao. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khắc phục các nội dung vi phạm, khuyết điểm tại các thông báo kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương² đạt một số kết quả nhất định, tuy nhiên tiến độ khắc phục còn chậm, nhất là các nội dung liên quan các dự án đầu tư, thu hồi số tiền sai phạm. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và Kế hoạch số 222-KH/UBKTTW, ngày 24/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ. Việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp trên địa bàn còn chậm. Một số cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật và quy định của Đảng. Công tác dân vận có nơi còn hạn chế. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở có lúc, có nơi còn hình thức. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số địa phương chưa làm tốt vai trò cầu nối giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước; việc góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn hạn chế. Việc tổng kết thực tiễn, giải quyết những vấn đề mới, khó từ thực tiễn địa phương có lúc, có nơi thiếu chủ động. Việc cụ thể hóa theo thẩm quyền một số văn bản luật, chỉ đạo của cấp trên còn chậm. Một số kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết dứt điểm. Kết quả cải cách hành chính chưa toàn diện; công tác cải cách thủ tục hành chính, tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của người dân, doanh nghiệp ở một số địa phương chậm được đổi mới. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương 2 cấp bước đầu gặp một số khó khăn. Tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc diện cấp ủy theo dõi, chỉ đạo có nội dung còn chậm. Số vụ việc sai phạm liên quan đến tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa nhiều. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo còn một số hạn chế.

² (1) Thông báo số 798, 799-TB/UBKTTW, ngày 04/5/2020 của UBKT Trung ương kết luận giải quyết tố cáo 02 đồng chí lãnh đạo chủ chốt tỉnh Quảng Ngãi; (2) Thông báo số 777-TB/UBKTTW, ngày 23/9/2024 của UBKT Trung ương kết luận kiểm tra khi có DHVP đối với BCSD UBND tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016-2021,

1.2. Về phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra. Sản phẩm công nghiệp chế tạo, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao chưa nhiều. Công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp chậm. Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, còn manh mún, nhỏ lẻ, giá trị gia tăng thấp; liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ còn ít. Nuôi trồng thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao. Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics phát triển chậm. Phát triển du lịch chưa có sự chuyển biến rõ nét. Thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa nhiều; thị trường bất động sản chậm phát triển. Hạ tầng giao thông, đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp thiếu đồng bộ; hạ tầng chuyển đổi số chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, thể thao còn hạn chế. Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội. Thực hiện liên kết vùng chưa có nhiều chuyển biến. Triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có nơi hiệu quả chưa cao. Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn. Vướng mắc trong thực hiện chính sách đất đai, đầu tư, quy hoạch chưa được tháo gỡ kịp thời. Quản lý đất đai, tài nguyên ở một số địa phương chưa chặt chẽ.

1.3. Về phát triển văn hóa, xã hội, con người

Nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp chậm được sửa chữa. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa hiệu quả chưa cao. Còn khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền trong tỉnh. Chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có mặt còn hạn chế. Chất lượng khám, chữa bệnh có mặt chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Giải quyết việc làm cho người lao động gặp nhiều khó khăn; đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế. Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp. Công tác giảm nghèo ở miền núi chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao.

1.4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Năng lực giám định tư pháp có mặt còn hạn chế. Tình hình an ninh trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định. Công tác nắm và dự báo tình hình có lúc chưa kịp thời, chưa toàn diện. Tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao còn diễn biến phức tạp. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm ở một số nơi chưa đạt hiệu quả. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thực hiện các biện pháp để “gỡ” thẻ vàng IUU đạt hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm

2.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại ở một số nước; đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; biến đổi khí hậu, thiên tai, nhất là hậu quả của cơn bão số 9 (năm 2020);

những bất cập trong các quy định của pháp luật chưa được kịp thời sửa đổi; kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực phía Tây của tỉnh còn yếu kém, chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội,... đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực dự báo và giải quyết những khó khăn, vướng mắc còn hạn chế. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu; sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có việc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; có tình trạng e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm. Một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thực hiện tốt trách nhiệm công vụ; chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Một bộ phận người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 – 2025 trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, sự quan tâm, hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong cả nước, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục phát triển; khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường được tăng cường. Phát triển văn hóa, xã hội, con người có nhiều tiến bộ. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; công tác đối ngoại được triển khai tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một hạn chế, khuyết điểm nhất định cần tập trung khắc phục trong nhiệm kỳ đến.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ qua, rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

2.1. Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đối với hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng trong giai đoạn mới.

2.2. Tăng cường đối thoại giữa bí thư các cấp ủy với người dân, góp phần tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Khơi dậy niềm tự hào, ý chí, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội để phát triển.

2.3. Bám sát chủ trương của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và tình hình thực tiễn để cụ thể hóa, tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra với tư duy mới, cách làm mới, bảo đảm khoa học, có trọng tâm, trọng điểm, rõ trách nhiệm, có lộ trình phù hợp; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch, khách

quan trọng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và bảo đảm vai trò quyết định của cấp ủy và người đứng đầu.

2.4. Công tác cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực, trách nhiệm đối với sự phát triển của tỉnh. Phát huy tính chủ động, sáng tạo, năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

2.5. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, chủ động phòng ngừa sai phạm; lấy xây là chính, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, giải quyết sớm các vi phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Dự báo trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, cục diện thế giới sẽ chuyển biến nhanh, phức tạp; các thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của nước ta và tỉnh ta. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực; lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá. Xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng ngày càng được quan tâm.

Trong nước, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được đổi mới và nâng cao; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng hoàn thiện. Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân là đòn bẩy đưa đất nước bước vào kỷ nguyên thịnh vượng sẽ là bộ 3 đột phá nhất thể tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Tình hình thế giới và trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen. Không gian phát triển được mở rộng, tạo thuận lợi để phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về liên kết phát triển kinh tế rừng, biển, đảo, cửa khẩu. Những thành tựu đạt được của tỉnh trong các nhiệm kỳ qua là nền tảng, tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn đến. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự điều hành, quản lý của chính quyền ngày càng được nâng cao. Tổ chức bộ máy được tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Các dự án trọng điểm đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh sẽ tạo xung lực mới cho sự phát triển. Tuy nhiên, tỉnh ta sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững; nhiều hạn chế, điểm nghẽn của những năm trước chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để; có đông đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường;... là yếu tố chủ yếu, tiềm ẩn tác động trực tiếp đến phát triển chung của tỉnh trong thời gian đến.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng.

2. Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

3. Kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt; khơi thông và giải phóng sức sản xuất, mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực, mở rộng không gian phát triển. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển; đột phá mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thu hút, trọng dụng nhân tài.

4. Nâng cao đời sống của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, tầng lớp nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

5. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tiếp tục khẳng định vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tiếp tục thực hiện mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo chủ trương của Trung ương. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu phát triển: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đại đoàn kết các dân tộc; liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.

(4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.

(6) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.

2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(8) Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.

(9) Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở, 42,59% trường tiểu học - trung học cơ sở, 73,44% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

(12) Đến năm 2030, phân đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường - đô thị

(13) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.

2.4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên tất cả các mặt: Chính trị; tư tưởng; đạo đức; tổ chức bộ máy; tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; cán bộ; kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; dân vận; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy để Đảng ta thực sự là đạo đức, là văn minh.

1.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết, Kết luận Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Tiếp tục

đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chuẩn mực đạo đức cách mạng, truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước góp phần củng cố lập trường, bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức. Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; quản lý có hiệu quả an ninh mạng; tăng cường nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị. Đẩy mạnh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng việc làm cụ thể hằng ngày, bằng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, tạo sự lan tỏa sâu rộng, tích cực trong toàn Đảng bộ và toàn xã hội. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp.

1.2. Phát huy truyền thống đoàn kết, tạo sự đồng thuận xã hội, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo. Phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng Đảng, Nhà nước thông qua thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang; gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội cao trong quá trình phát triển. Thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong hệ thống chính trị, góp phần thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, nhất là ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào tôn giáo.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng hoạt động và vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc đoàn kết, tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững, công tác chuyển đổi số, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, bảo đảm an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo; nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý điểm nóng.

1.3. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị bảo đảm thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Đổi mới mạnh mẽ hoạt động

của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị và tinh giản biên chế, quản lý theo vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm chủ trương của Trung ương, của tỉnh về thống nhất quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh. Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm và khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị tỉnh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thường xuyên đánh giá, kịp thời khắc phục các bất cập phát sinh, đảm bảo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.4. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức đảng cấp tỉnh, cấp xã, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Hoàn thiện quy chế làm việc và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”, xây dựng các tổ chức đảng vững mạnh, đảng viên thực sự là các “tế bào” của Đảng. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong hoạt động và sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ. Nâng cao chất lượng đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên. Phấn đấu hằng năm, có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong tạo nguồn phát triển đảng viên; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, trong đó quan tâm phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên, người theo tôn giáo, khu vực ngoài nhà nước, đảng viên ở thôn, làng, khu dân cư. Phấn đấu tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3% - 4% tổng số đảng viên; thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở khu vực ngoài nhà nước năm sau cao hơn năm trước. Tăng cường giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

1.5. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Bảo đảm thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đảm bảo tính liên tục, kế thừa và phát triển, có đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số. Có giải pháp hữu hiệu để khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, trí tuệ, có tầm nhìn, có năng lực cụ thể hóa trong tổ chức thực hiện, thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết.

Chú trọng thu hút và trọng dụng nhân tài vào làm việc trong bộ máy hệ thống chính trị tỉnh. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ cho cấp cơ sở, các địa bàn khó khăn, trọng yếu, nơi triển khai mô hình mới để thử thách, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo toàn diện của cán bộ. Tiếp tục đổi mới phương pháp đánh giá, nhận xét, coi trọng đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém về năng lực, đạo đức, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Coi trọng và thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của Đảng. Thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

1.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, trước hết là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng và Chiến lược kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Chủ động, kịp thời cụ thể hóa, nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo thẩm quyền. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát thường xuyên; quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra các cấp với tổ chức đảng liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. 100% cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá và hằng năm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội và có nhiều khiếu kiện kéo dài;...

Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát. Chuyển trọng tâm sang công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm. Chuyển từ thụ động sang chủ động nắm chắc tình hình, không để có “khoảng trống”, “vùng tối” mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được; gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực; đổi mới công tác giám sát thường xuyên,

xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo sớm và phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng, hình thành và lan tỏa văn hóa chính trị trách nhiệm trong nội bộ Đảng. Bên cạnh việc xử lý nghiêm các vi phạm, cần bảo vệ người làm đúng, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm.

Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng; xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ để hướng đến thực hiện “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu”. Xây dựng ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp xã tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra thực sự bản lĩnh, liêm chính, chuyên nghiệp, có trình độ và năng lực ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện luân chuyển cán bộ trong Ngành Kiểm tra Đảng, cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra và cán bộ kiểm tra sang công tác ở các ngành khác để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ.

1.7. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đoàn kết, thống nhất, kỷ luật trong Đảng. Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên các mặt công tác, đáp ứng yêu cầu trong điều kiện tình hình mới. Nâng cao năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cùng với kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.

Lãnh đạo rà soát sửa đổi, bổ sung về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị theo hướng phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát; không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo, quản lý. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương, tính chủ động, sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nhất là sử dụng hiệu quả nền tảng số trong hoạt động cơ quan Đảng, hướng đến ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy đảng gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

1.8. Xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động và nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật. Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội; đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật theo hướng chính quyền địa phương quy định về những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Đa dạng hóa phương thức truyền thông

chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Tăng cường đối thoại, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương; tập hợp trí tuệ của cử tri và Nhân dân để đóng góp cho Quốc hội trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tăng cường giám sát các nghị quyết của Quốc hội tại địa phương.

Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của HĐND các cấp. Tăng cường giám sát những vấn đề cụ thể được cử tri và Nhân dân quan tâm; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban HĐND, đại biểu HĐND và hoạt động tiếp xúc cử tri.

Tiếp tục sắp xếp, xây dựng bộ máy chính quyền tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền bảo đảm khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số, tối ưu hóa dịch vụ công trực tuyến, minh bạch hóa quy trình, tăng cường tương tác đa kênh giữa chính quyền và công dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại dựa trên chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu. Phương thức quản lý nhà nước chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật; tạo thuận lợi cao nhất cho mọi hoạt động bình thường trong khuôn khổ pháp luật của người dân, tổ chức, doanh nghiệp, xóa bỏ triệt để cơ chế “xin – cho”. Nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân, trách nhiệm giải trình, liêm chính trong hoạt động công vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

1.9. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường phối hợp chặt chẽ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi sai phạm, chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; trong đó, phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá; chủ động nhận diện, dự báo, cảnh báo vi phạm từ sớm, từ xa không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kiên quyết không để tái diễn sai phạm cũ. Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế, kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để giảm thiểu lãng phí. Phát huy

vai trò, tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và Nhân dân để chủ động phòng ngừa, tự phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ, ngay từ cơ sở. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Rà soát, xác định rõ nguyên nhân, xử lý hiệu quả đối với các dự án, công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, nguy cơ gây thất thoát, lãng phí và cơ sở nhà, đất của các đơn vị sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; tiếp dân, đối thoại với dân và xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân. Chú trọng công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, các thiết chế trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư pháp.

2. Phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững

2.1.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các mô hình kinh tế mới.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cùng các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương. Tập trung thu hút một số dự án lớn từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuỗi cung ứng thông minh, năng lượng sạch, các dự án có sự liên kết, hợp tác về chuyên gia công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, tạo động lực thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhanh, bền vững. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, công nghệ, thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp linh hoạt, năng động.

Khẩn trương rà soát, tích hợp, cập nhật lại quy hoạch tỉnh, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia, vừa khai thác hiệu quả lợi thế tổng hợp

của địa phương, vừa mở rộng dư địa và không gian phát triển mới. Phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đa dạng sinh thái - kinh tế, hướng đến tăng trưởng xanh, bao trùm và bền vững, với mô hình tăng trưởng đa trung tâm, kết hợp giữa lợi thế khí hậu mát mẻ, thổ nhưỡng phù hợp phát triển nông nghiệp hữu cơ, cây dược liệu, rừng nguyên sinh ở vùng cao nguyên với nền tảng công nghiệp nặng, cảng biển, tạo nên chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ nông nghiệp, khai thác tài nguyên đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Phát triển kinh tế đa ngành, bền vững từ nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đến kinh tế biển, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên cơ sở kết hợp và phát huy lợi thế của 3 vùng sinh thái chủ đạo: vùng núi cao nguyên, vùng đồng bằng, vùng biển đảo.

Phát huy vai trò của các vùng kinh tế động lực, các hành lang kinh tế chiến lược, nhất là hành lang kinh tế Đông – Tây với vai trò là cửa ngõ phía Tây của hành lang kinh tế Đông Tây gắn với phát triển kinh tế vùng biên mậu, phát triển công nghiệp, kinh tế biển và du lịch, tạo động lực phát triển theo quy hoạch được phê duyệt. Khai thác không gian phát triển mới trên cơ sở thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, liên kết quốc gia, kết nối thông suốt từ vùng Tây Nguyên đến biển, hình thành trục giao thương liên vùng, liên quốc gia.

2.1.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, thu hút một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp: lọc hóa dầu, sau lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế khác biệt như: trung tâm công nghiệp lọc, hóa dầu, trung tâm công nghiệp đóng tàu, trung tâm sản xuất thép. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp quan trọng khác như: Điện tử, trí tuệ nhân tạo, sinh học, bán dẫn, năng lượng (điện khí, thủy điện, điện mặt trời, điện gió), sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ phát triển nông, lâm, thủy sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn tại các địa bàn có lợi thế.

Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Nghiên cứu thành lập các khu công nghiệp ở những nơi có điều kiện theo quy hoạch. Đẩy mạnh huy động đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và hệ thống xử lý chất thải. Định hướng phát triển Khu Công nghiệp VSIP II là khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút đầu tư các ngành có hàm lượng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao.

Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp của tỉnh như dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt, VSIP II, các dự án Nhà máy điện tuabin

khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đắk Tô,... Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2026 – 2030 của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12% - 13%/năm; trong đó công nghiệp tăng bình quân 12% – 13%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP chiếm 44% - 45%.

2.1.3. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch gắn với phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi vùng miền

Tiếp tục phát triển mạnh các ngành dịch vụ phục vụ đời sống người dân như: văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường... Khuyến khích phát triển các dịch vụ: khoa học và công nghệ; tài chính; viễn thông; công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý; tư vấn khởi nghiệp và các dịch vụ mới của nền kinh tế số.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển thương mại điện tử, phổ cập các loại hình thương mại mới, áp dụng công nghệ cao. Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa qua nền tảng số. Khuyến khích đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm dịch vụ tổng hợp tại các đô thị và khu du lịch. Tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ. Thu hút đầu tư phát triển hợp lý hệ thống logistics đường bộ, đường thủy. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics dựa trên ưu thế của cảng nước sâu Dung Quất gắn với phát triển Khu kinh tế Dung Quất. Thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, cửa khẩu Đắk Long - Văng Tắt (giáp Lào), cửa khẩu Hồ Le (giáp Campuchia),... gắn với định hướng phát triển kinh tế vùng biên mậu trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của khu vực “Ngã ba Đông Dương”. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực dịch vụ đạt 11% - 12%/năm; tỷ trọng dịch vụ trong GRDP chiếm 31 - 32%.

Đẩy mạnh phát triển đồng bộ kinh tế biển - du lịch - dịch vụ. Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa rừng và biển trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch chuyên đề khác; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Thúc đẩy liên kết, hình thành các khu, điểm du lịch những nơi có tiềm năng. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

2.1.4. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng

Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp trên nền nông nghiệp sạch, sản xuất sạch, kiểm soát đầu vào, quy trình chế biến, bảo quản; có chiến lược truyền thông, giới thiệu sản phẩm ở thị trường nội địa, khu vực và thế giới. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Phát triển ít nhất 5 thương hiệu nông sản mạnh cấp vùng, có khả năng xuất khẩu hoặc dẫn dắt thị trường nội địa.

Ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng thương hiệu theo địa danh và đặc sản vùng miền; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu quý đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phấn đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến sâu, tạo hàng hóa có giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu; trong đó, xây dựng vùng nguyên liệu (dứa, chanh dây,...) để phục vụ công nghiệp chế biến. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương gắn với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng hệ thống dữ liệu số ngành nông nghiệp, nền tảng quản lý vùng trồng, công cụ đo lường sản lượng, chất lượng; bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Có chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh. Phát triển đàn gia súc theo hướng hàng hóa. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các trang trại chăn nuôi theo hướng tập trung.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Phát triển ngành lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng. Phấn đấu đến năm 2030, độ che phủ rừng tiếp tục duy trì đạt trên 60%.

Phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản; tiếp tục hình thành các trang trại nuôi trồng trên biển. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các nghiệp đoàn nghề cá. Tuyên truyền, vận động giúp chủ tàu, ngư dân hiểu rõ các quy định, không vi phạm, không đánh bắt cá trái phép ở vùng biển nước ngoài, không khai thác hải sản bất hợp pháp. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ nghề cá và các cơ sở chế biến thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng của thủy sản. Có chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tại các hệ thống sông, lòng hồ thủy lợi, thủy điện khu vực miền núi. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 – 2030 của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

2.1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phân bổ nguồn lực đầu tư cân đối, công bằng, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực, đảm bảo mức đầu tư vào từng địa bàn không thấp hơn trước khi hợp nhất tỉnh, không để nơi nào bị tụt hậu, mất động lực phát triển. Đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tích cực phối hợp, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; đường tránh phía Tây thành phố Quảng Ngãi (cũ)... Kiến nghị Trung ương sớm đầu tư tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku; đồng thời, quan tâm đầu tư nâng cấp Quốc lộ 24, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C. Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối sân bay Chu Lai; nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại đặc khu Lý Sơn, cảng hàng không Măng Đen, tuyến đường sắt kết nối vùng Tây Nguyên. Nghiên cứu đề xuất Trung ương về chủ trương đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cảng nước sâu Dung Quất.

Phát triển hạ tầng logistics hiện đại; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, du lịch dịch vụ chiến lược của Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và các nước tiểu vùng Mê Kông. Tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường kết nối các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đồng bộ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung. Đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối; nâng cấp hệ thống đê kè sông, biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão,... gắn với ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Đầu tư và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về xây dựng nhà ở xã hội do Trung ương giao.

Tập trung phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất, xã Măng Đen; tập trung phát triển tại các đô thị hiện hữu, khu du lịch hiện nay.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phân đấu đến năm 2030, có trên 65% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, trên 35% xã nông thôn mới nâng cao, trên 12,5% xã nông thôn mới kiểu mẫu. Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với truyền thống văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị và giữa các vùng trong tỉnh. Phân đấu đến năm 2030, 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

2.1.6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong cải cách thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hoá, giảm chi phí thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân. Tháo gỡ các nút thắt, khơi thông, giải phóng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Áp dụng cơ chế ưu đãi đặc biệt cho các dự án công nghiệp bán dẫn, vi mạch, sản phẩm công nghệ cao. Mở rộng đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới phương thức quản trị, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

Bảo đảm điều hành thực hiện tốt các quy định, quản lý chặt chẽ, hiệu quả thu chi ngân sách, tiết kiệm, chống lãng phí; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao; nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng, công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

2.2.1. Tiếp tục phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững

Xác định phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu

quốc gia về phát triển văn hóa; tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hoá tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Chú trọng phục hồi, bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn, phát huy và làm giàu di sản văn hoá các dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trải nghiệm và tạo sinh kế cho người dân. Bảo vệ, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, đạo lý, đoàn kết, nghĩa tình, tinh thần tương thân, tương ái của con người. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với phát triển xã hội số, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, các tác phẩm văn học - nghệ thuật; đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

Đẩy mạnh huy động các nguồn lực trong xã hội để đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn làm cơ sở, lấy người dân làm trung tâm. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Thiên Bút, Bảo tàng và Thư viện tỉnh thành tổ hợp thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; đề nghị công nhận Ngục Kon Tum là Di tích cấp quốc gia đặc biệt; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử cách mạng - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững... Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác văn hóa đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao.

2.2.2. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; chú trọng đối với học sinh dân tộc thiểu số. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục phổ thông từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, kỹ năng và phẩm chất người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy, người học. Đầu tư kiên cố hoá trường học, lớp học, nhà ở công vụ cho giáo viên, bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã biên giới, tổ chức các điểm trường nội trú, bán trú ở các xã biên giới. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá đạt 100%.

Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thị trường. Khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là cán bộ quản lý, các ngành mũi nhọn về khoa học,

công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên. Có cơ chế, chính sách hiệu quả trong phát hiện, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học giỏi. Chú trọng nâng cao trình độ lao động nông thôn, tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

2.2.3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đến năm 2030, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Phát triển tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, kinh tế số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân nhằm xây dựng một xã hội số bao trùm, toàn diện. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; trong đó, ưu tiên một số lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp. Đầu tư, phát triển hạ tầng số và đẩy nhanh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền trong tỉnh. Thúc đẩy phát triển mạnh khoa học, công nghệ, chủ động đặt hàng sản phẩm khoa học công nghệ cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận trong xã hội; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

2.2.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa góp phần xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; phấn đấu 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tập trung đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Thúc đẩy phát triển y tế tư nhân, thu hút đầu tư các bệnh viện chất lượng cao. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ trong các bệnh viện công lập, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh. Tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng và chất lượng. Thu hút nguồn nhân lực y tế; khuyến khích y, bác sĩ có năng lực chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; phấn đấu tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,1% dân số. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển; có chính sách đề duy trì vững chắc mức sinh thay thế. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.2.5. Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững

Chú trọng thực hiện và huy động các tổ chức, cá nhân trong xã hội tích cực tham gia thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nạn nhân của bạo lực gia đình, bị mua bán trở về. Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển toàn diện. Hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Phát triển thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Xây dựng cơ sở dữ liệu người trong độ tuổi lao động làm cơ sở để dự báo thị trường, kết nối cung - cầu lao động. Chú trọng phát triển đa dạng các hình thức bảo hiểm xã hội; thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp; phấn đấu tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 1,68%.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với giảm nghèo bền vững. Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng thực hiện tín dụng chính sách xã hội để góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc ít người, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí, ý thức tự lực, tự cường để vươn lên thoát nghèo bền vững. Thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi; khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Đẩy mạnh công tác bố trí, sắp xếp dân cư các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

2.3. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển; thu hút đầu tư Nhà máy tuyển luyện quặng tại những nơi có điều kiện gắn với quy hoạch khoáng sản. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai. Thường xuyên rà soát, kiểm tra và kiên quyết xử lý các sai phạm trong sử dụng đất, không để lãng phí tài nguyên đất đai. Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các hệ sinh thái biển gắn với bảo vệ đa dạng sinh học. Nâng cao năng lực bảo vệ tài nguyên, phòng, chống cháy rừng.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tăng tỷ lệ cây xanh trong các đô thị, nhất là các đô thị trung tâm của tỉnh; phấn đấu đến năm 2030, diện tích cây xanh đạt 8 - 10 m²/người dân đô thị. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, nhất là xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp. Tạo sự chuyển biến tích cực trong ý thức, văn hóa người dân về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải nhựa, ô nhiễm chất thải nhựa. Phấn đấu đến năm 2030, trên 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, 100% chất thải y tế được xử lý.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai. Tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi; chú trọng công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Chủ động chuyển đổi cơ cấu các ngành, lĩnh vực để thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh và phổ biến giáo dục pháp luật. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương; xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Phát triển các công trình lưỡng dụng có khả năng chuyển đổi trạng thái kịp thời, hiệu quả. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh biên giới; quản lý chặt địa bàn biên giới, xây dựng vùng biên hòa bình và phát triển; đấu tranh có hiệu quả với các hành vi xâm hại đến chủ quyền biên giới quốc gia, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách đối với Quân đội, hậu phương quân đội.

Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an ninh đối ngoại, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới... Chủ động nắm chắc, dự báo sát, đúng tình hình, tích cực phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ; không để các đạo lạ, hiện tượng tôn giáo mới hoạt động trên địa bàn tỉnh; phòng ngừa, ngăn

chặn hoạt động vượt biên, trốn đi nước ngoài trái phép. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Tăng cường thực hiện các giải pháp giảm tai nạn giao thông, giảm cháy nổ. Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu. Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, tạo môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tích cực tham gia các sự kiện đối ngoại quan trọng, phù hợp trong và ngoài nước nhằm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, huy động nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các địa phương của các nước Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan; phối hợp chặt chẽ trong công tác mở các cặp cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, nâng cấp cặp cửa khẩu phụ Đắk Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính; tiếp tục kiên nghị đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 18B từ Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y đi tỉnh Attapư (Lào). Tham gia giải quyết vấn đề phân giới, cắm mốc còn tồn đọng giữa Việt Nam với Campuchia trên tuyến biên giới qua tỉnh. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong tỉnh triển khai đầu tư, góp phần kết nối về kinh tế với các địa phương của Lào và Campuchia. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tăng cường năng lực hội nhập kinh tế quốc tế trong các ngành, lĩnh vực. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hợp tác với đối tác nước ngoài. Phát huy công tác đối ngoại nhân dân, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại và ngoại giao văn hóa góp phần quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh. Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. 05 nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp nền tảng, thúc đẩy hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

1.3. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

1.4. Đẩy mạnh phát triển du lịch; phát triển Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo và Khu du lịch Măng Đen trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

1.5. Thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

2. 03 nhiệm vụ đột phá

2.1. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên hạ tầng giao thông, đô thị, công nghệ phục vụ cho quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng để phát triển nhanh và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp xã, có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2.3. Tập trung cải cách hành chính, phát triển chính quyền số; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi bước vào thời kỳ mới sẽ có những thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, nhưng với tinh thần khát vọng vươn lên, với những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua, nhất là nhiệm kỳ 2020 - 2025, cùng với truyền thống cách mạng, đoàn kết, sáng tạo, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 kêu gọi toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh quyết tâm nắm bắt thời cơ, chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng Trung ương,
- Các vụ địa phương/địa bàn của các ban đảng Trung ương,
- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- VPTU: C, PCVP Tỉnh ủy, các phòng trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Bùi Thị Quỳnh Vân